

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày 31 - 7- 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao V

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lã Ngọc T

2. Bà Đỗ Thị Vân A

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

ĐKKHKT: Thôn Hạnh Phúc, xã Tr, huyện L, tỉnh V.

Chỗ ở hiện nay: Khu 18, xã S, huyện L, tỉnh P.

Người được ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1992. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 4, xã S, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

ĐKKHKT: Thôn 8, xã H, huyện Đ, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 14, phố H, phường Th, thành phố V, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Do có mối quan hệ biết nên ngày 20/01/2019 chị Nguyễn Thị B có cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để phục vụ công việc gia đình. Chị Th hứa hẹn thời gian trả dần bắt đầu từ ngày 20 hàng tháng kể tiếp sau kể từ ngày 20/01/2019. Nhưng kể ngày vay đến nay chị Th đã không thực hiện cam kết mà lần tránh gặp mặt chị B. Nay chị B yêu cầu chị Th phải trả cho chị B số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi

suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 10/6/2020 và lời trình bày tại phiên hòa giải ngày 7/7/2020 chị Th có quan điểm::

Chị thừa nhận là có vay của chị Nguyễn Thị B số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích vay là phục vụ công việc gia đình, không có tính lãi suất. Theo cam kết chị sẽ trả dần cho chị B mỗi tháng 10.000.000đ (Mười triệu đồng) kể từ ngày 20/02/2019. Vì điều kiện gia đình có người ốm đau phải điều trị nên chị chưa trả được. Nay chị B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị phải trả số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Quan điểm của chị đề nghị cho chị được trả dần vào ngày 28 hàng tháng số tiền trả là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi trả hết số nợ trên.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về nội dung giải quyết nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị Nguyễn Thị B 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án được xác định: Đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B và bị đơn chị Nguyễn Thị Th. Chị Th hiện đang ở tổ 14, phố Hai Bà Trưng, phường Th, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th.

[2]. Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị tổng số tiền nợ gốc là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về khoản tiền gốc: Giấy vay tiền ngày 20/01/2019 nội dung thể hiện chị Nguyễn Thị Th vay của chị Nguyễn Thị B số tiền 160.000.000đ, hẹn một tháng trả dần 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho đến hết. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, chị Th thừa nhận có vay số tiền 160.000.000đ của chị B là đúng nhưng đến nay chị vẫn chưa trả được cho chị B. Xét thấy, đây là tình tiết đã rõ ràng, các bên đều thừa nhận về việc vay và cho vay số tiền 160.000.000đ nên xét thấy không phải chứng minh theo điểm a Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn trả nợ đã

quá hạn nên chị B khởi kiện yêu cầu chị Th trả nợ là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc chị Th phải trả cho chị B số tiền gốc là 160.000.000đ là đúng.

- Về khoản tiền lãi: Trong Giấy vay tiền ngày 20/01/2019 không thể hiện về lãi suất nhưng khởi kiện chị B yêu cầu chị Th phải trả lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự quy định: “*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Cho nên, yêu cầu của chị B về việc buộc chị Th phải trả lãi suất trên số tiền vay là có căn cứ. Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất nên lãi suất sẽ được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm là phù hợp. Lãi suất tính theo quy định của pháp luật như sau:

Số tiền 160.000.000đ chị Th vay của chị B ngày 20/01/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2020 là 18 tháng 11 ngày x 0,83%/tháng (tương đương 10%/năm) là 24.390.900đ (*Hai mươi tư triệu, ba trăm chín mươi nghìn, chín trăm đồng*).

Vậy số tiền lãi chị Th phải trả cho chị B là 24.390.900đ (*Hai mươi tư triệu, ba trăm chín mươi nghìn, chín trăm đồng*).

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nội dung khởi kiện của chị B được chấp nhận nên chị B không phải chịu án phí; Chị Th phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, Các đương sự đều có quyền kháng cáo.

[4]. Do vụ án Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

V× c, c lĩ trªn;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280, 463, 465, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B đối với chị Nguyễn Thị Th về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

- Buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả cho chị Nguyễn Thị B số tiền gốc là 160.000.000đ. (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và số tiền lãi là 24.390.900đ (*Hai mươi tư triệu, ba trăm chín mươi nghìn, chín trăm đồng*). Tổng cả gốc và lãi là: 184.390.900đ (*Một trăm tám mươi tư triệu, ba trăm chín mươi nghìn, chín trăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, chị Thủy còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 10.439.000đ (Mười triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) (do anh Nguyễn Văn Th nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001065 ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND TP. V, T. P;
- Chi cục THADS TP. V, T. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao V